TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 146/2023/HNGĐ-ST Ngày 08-6-2023 V/v: "Ly hôn, nuôi con chung giữa anh Q và chị A"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Chúc Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu C, xã D, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Chị Phạm Thị A, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm B, xã E, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh Q, chị A vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28-02-2023, bản tự khai ngày 09-3-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Chúc Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Chúc Văn Q và chị Phạm Thị A đăng ký kết hôn ngày 08-5-2018 tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu C, xã D, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị A đã tự bỏ nhà đi từ tháng 10/2019 và để con nhỏ mới 17 tháng tuổi cho anh Q và bà nội chăm nuôi. Từ đó vợ chồng sống ly thân, anh Q đã đi tìm chị A nhiều lần và đến tháng 2/2022 thì chị A mới quay về xin lỗi anh Q và gia đình cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Anh Q đã bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến tháng 7/2022 thì chị A lại bỏ

nhà đi về quê ngoại ở từ đó không quay về chung sống cùng anh Q nữa. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 7/2022, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Chúc Hải N, sinh ngày 12-01-2018, hiện nay con đang ở cùng gia đình bố mẹ chị A. Nay ly hôn anh Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Vì khi vợ chồng mâu thuẫn chị A bỏ nhà đi vào tháng 10/2019 khi đó cháu Hải N còn nhỏ mới 17 tháng tuổi, anh Q và mẹ anh Q chăm sóc nuôi dưỡng, chị A không quan tâm đến con, không về thăm con lần nào chứ gia đình anh không ngăn cấm. Đến tháng 2/2022 chị A mới quay về thì cháu Hải N không nhận ra mẹ. Sau khi chị A quay về được thời gian ngắn, vợ chồng đã hòa hợp lại thì cùng thống nhất đưa cháu Hải N về quê ngoại gửi bố mẹ đẻ chị A trông giúp để vợ chồng đi làm. Nhưng đến tháng 7/2022 thì chị A lại tiếp tục bỏ nhà đi, sau đó anh Q có về nhà ngoại để đón cháu Hải N về quê nội chăm nuôi nhưng chị A và gia đình chị không cho anh Q đón con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị A lại không trực tiếp nuôi con mà thường xuyên đi làm xa nhà, để con cho ông bà ngoại chăm sóc. Hiện nay, anh Q có công việc tự do không phải làm xa nhà, anh lái xe tải chở hàng gia dụng nhập hàng cho các đại lý. Anh Q xác định anh có thu nhập ổn định từ khoảng 20.000.000đ đến 25.000.000đ một tháng nên có điều kiện trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 15-3-2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Phạm Thị A có lời khai phù hợp với lời khai của anh Q về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống. Theo chị A, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Q đã có hành vi bạo lực đối với chị, tháng 10/2019 chị A bỏ đi, khi đó vợ chồng cũng đã gửi cháu Hải N cho gia đình ngoại chăm nhưng anh Q đã về đón cháu lên nhà nội từ đó không cho chị và nhà ngoại đón cháu nữa. Đến tháng 2/2022, được gia đình khuyên bảo và nghĩ thương con nên chị A đã quay lại chung sống cùng anh Q nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng lại mâu thuẫn, anh Q lại đánh chửi chị. Do đó, chị A cảm thấy bị áp lực về tinh thần nên tháng 7/2022 vợ chồng lại tiếp tục sống ly thân, chị A bỏ về nhà ngoại ở từ đó cho đến nay. Nay anh Q làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn để hai bên giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị A có lời khai thống nhất với anh Q về con chung. Khi ly hôn, chị A cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Hải N và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Theo chị A thời gian tháng 10/2019 chị A bỏ nhà đi sau đó gia đình anh Q không cho chị gặp con. Từ tháng 7/2022 vợ chồng tiếp tục sống ly thân thì cháu Hải N đang gửi ông bà ngoại nên từ đó đến nay con ở cùng nhà ngoại. Chị A xác nhận hiện nay chị đang làm nhân viên căng tin của Bệnh viện Quân y Hà Nội, mức thu nhập là 14.500.000đ một tháng. Trong thời gian qua chị đi làm trên Hà Nội thì có nhờ ông bà ngoại chăm sóc con gái nhưng chị luôn có trách nhiệm

gửi tiền về cho ông bà chăm cháu nên chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị A có lời khai thống nhất với lời khai của anh Q nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần mở phiên hòa giải để anh Q và chị A thỏa thuận nhưng lần thứ nhất anh Q, chị A không thống nhất được việc nuôi con chung, phiên hòa giải lần thứ hai anh Q có mặt, chị A vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị A là bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị A vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Chúc Văn Q và chị Phạm Thị A là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã D, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 08-5-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Q tại xã D, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chị A bỏ nhà đi. Đến tháng 2/2022 chị A quay về đoàn tụ vợ chồng, trong thời gian chị A về chung sống vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay anh Q xác định không còn tình cảm với chị A nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Q đối với chị A và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị A xuất phát từ việc vợ chồng chung sống không hòa hợp, hạnh phúc nên chị A đã bỏ nhà đi, vợ chồng đã hai lần sống ly thân. Mặt khác, sau lần bỏ nhà đi đầu tiên chị A đã quay về để vợ chồng đoàn tụ, anh Q bỏ qua tha thứ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn lại xảy ra, chị A lại bỏ về nhà ngoại từ tháng 7/2022 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh Q và chị A đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Bản thân chị A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh Q nên khi anh Q đề nghị ly hôn chị cũng nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh Q đối với chị A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Chúc Hải N, sinh ngày 12-01-2018, hiện nay con chung đang ở cùng gia đình bố mẹ đẻ chị A. Khi ly hôn, anh Q và chị A đều đề nghị được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét

điều kiện hoàn cảnh của anh Q, chị A hiện nay thì thấy: Tuy anh Q và chị A đều làm công việc tự do, anh chị xác định có thu nhập ổn định nhưng hiện nay chị A không trực tiếp nuôi con mà chị đi làm tại Hà Nội nên phải gửi con nhờ bố mẹ đẻ ở xã E, huyện Hải Hậu chăm sóc giúp. Phía anh Q hiện đang làm công việc tự do tại nhà, anh xác định có điều kiện trực tiếp chăm sóc con tốt hơn chị A. Anh Q xuất trình tài liệu chứng minh thu nhập ổn định có xác nhận của cơ sở xóm và chính quyền địa phương. Mặt khác, hiện cháu Hải N vẫn đang có hộ khẩu thường trú cùng anh Q tại khu C, xã D, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Khi con còn nhỏ chị A bỏ nhà đi trong thời gian hơn 2 năm thì cháu Hải N vẫn do anh Q và gia đình anh trực tiếp chăm sóc cháu phát triển tốt, khỏe mạnh, cháu Hải N được đi học mẫu giáo đầy đủ. Trong thời gian bỏ đi chị A không quan tâm và không về thăm con, chỉ đến khi chị A quay trở lại, anh Q và chị mới đưa con về gửi bố mẹ chị A để vợ chồng đi làm. Sau đó vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn anh Q có về thăm và đón con thì không được chị A và bố mẹ chị A đồng ý.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của các bên cần giao cháu Chúc Hải N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con; chị A không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Q (do anh Q không yêu cầu), hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Anh Q và chị A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Chúc Văn Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Chúc Văn Q và chị Phạm Thị A.

2. Về con chung: Giao cháu Chúc Hải N, sinh ngày 12-01-2018 cho anh Chúc Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chị Phạm Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Q. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Chị A có trách nhiệm bàn giao cháu Hải N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Anh Chúc Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án

phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006591 ngày 09-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga